

Trường THCS Lý Thường Kiệt
Tổ: Văn – LS&ĐL - GDCD

Họ và tên GV: Hoàng Văn Toán
Lớp dạy: 9A1,2,3

TUẦN 4

BÀI 2: NHỮNG CUNG BẠC TÂM TRẠNG

Môn: Ngữ văn 9; Số tiết: 12 tiết (Từ tiết 13 ->24)

MỤC TIÊU CHUNG

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: Phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó.
- Biết thảo luận về vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu thương, đồng cảm với con người và trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống.

TIẾT PPCT: 13, 14, 15

ĐỌC VĂN BẢN

NỖ NIỀM CHINH PHỤ

Trích *Chinh phụ ngâm*, nguyên tác của Đặng Trần Côn,
bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; Sự khác biệt so với thơ lục bát được biểu hiện trong đoạn trích *Nỗi niềm chinh phụ*.
- Học sinh nhận biết được và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Học sinh nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.

1.2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của học sinh

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người; Đồng cảm với số phận bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội cũ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu bài tập; các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp gợi mở vấn đề, phương pháp đàm thoại.

c. Sản phẩm: Những trao đổi, chia sẻ giữa học sinh với học sinh và HS với giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Chiếu cho HS xem video Phong trào Tây Sơn – Quang Trung đại phá quân Thanh ở đầu thế kỉ XVIII để trả lời câu hỏi. https://www.youtube.com/watch?v=HD89UaWkVQk</p> <p>GV1: Sau khi xem xong video Phong trào Tây Sơn – Quang Trung đại phá quân Thanh ở đầu thế kỉ XVIII, nhiều cuộc chiến đã xảy ra trên đất nước ta. Hãy nêu lại một cuộc chiến mà em vừa được xem.</p> <p>GV2: Theo em, những cuộc tiến đưa trong chiến tranh có gì khác biệt so với tiến đưa trong hoàn cảnh bình thường cuộc sống?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS xem Video xong sau đó gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi 1, 2 và có thể gọi 2 -> 3 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 2 -> 3 HS chia sẻ những cảm nhận ở đầu thế kỉ XVIII, nhiều cuộc chiến đã xảy ra trên đất nước ta.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p>	<p>→Chiến tranh giữa Đại Việt và Đại Thanh diễn ra vào năm 1789, vào thời nhà Tây Sơn. Kết quả, quân ta đại thắng, quân Thanh rút về nước. Đây cũng là bước đánh dấu sự sụp đổ của nhà Hậu Lê.</p> <p>→Những cuộc tiến đưa trong hoàn cảnh bình thường là tiến đưa người khác đi một nơi xa. Trong khi tiến đưa, hai người có cảm giác lưu luyến, không muốn xa. Sau khi xa nhau, người ở lại và người đi xa vẫn có thể liên lạc với nhau và gặp lại nhau.</p> <p>- Cuộc tiến đưa trong chiến tranh thường là cảnh người vợ, người mẹ, người con gái tiễn đưa chồng, con trai, người yêu ra chiến trường. Ngoài cảm giác lưu luyến, cả hai người còn có cảm giác đau xót, lo lắng bởi người ra chiến trường sẽ có thể bị tử trận, không bao giờ quay trở lại.</p> <p>Giới thiệu bài mới: Viết về đề tài phụ</p>

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

<p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV lắng nghe từ những câu chuyện chia sẻ của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.</p> <p align="center"><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>nữ trong văn học trung đại không thể nào không nhắc đến Chinh phụ ngâm. Một trong những tác phẩm phản ánh chiến tranh phi nghĩa đồng thời là tiếng nói đồng cảm xót thương cho số phận người phụ nữ bất hạnh với khát khao hạnh phúc lứa đôi. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu khám phá văn bản Nỗi niềm chinh phụ - tác giả <i>Đặng Trần Côn</i> – bản dịch <i>Đoàn Thị Điểm</i>.</p>
--	--

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

- a. Mục tiêu:** Học sinh đọc văn bản và nắm được những thông tin về tác giả *Đặng Trần Côn*; *Đoàn Thị Điểm* và bài thơ **Nỗi niềm chinh phụ**.
- b. Nội dung:** Giáo viên sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, đàm thoại, cặp đôi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và trả lời câu hỏi. Giáo viên sử dụng phiếu học tập, Rubic để đánh giá kết quả học tập.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS cách đọc bài thơ, đọc to, đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp. Khi đọc HS chú ý đến 2 chiến lược: <i>hình dung</i> và <i>theo dõi</i>. GV đọc mẫu thành tiếng diễn cảm một lần, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng hai lần. GV cho HS đọc những từ ngữ khó được chú thích ở dưới chân trang (<i>SGK tr 41, 42</i>). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV đọc mẫu diễn cảm thành tiếng 1 lần bài thơ, sau đó HS đọc 2 lần bài thơ. GV cho HS đọc những từ ngữ khó được chú thích ở dưới chân trang (<i>SGK tr 41, 42</i>). Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS đọc diễn cảm 2 lần bài thơ. GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét giọng đọc, cách đọc diễn cảm của bạn. GV gọi 1 -> 2 HS đọc 2 lần những từ ngữ khó</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản 1. Đọc văn bản Lưu ý: HS đọc kỹ các chú thích, đặc biệt là các tên đất, tên người mang tính chất ước lệ, tượng trưng, các điển tích, điển cố kết hợp với giảng giải mở rộng để HS hiểu được nghĩa của những từ này; đồng thời cần giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, nhất là những từ ngữ ngày nay ít dùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS có kỹ năng đọc thơ song thất lục bát. - HS có kỹ năng đọc những từ ngữ khó được chú thích ở dưới chân trang (<i>SGK</i>

<p>được chú thích ở dưới chân trang (SGK tr 41, 42).</p> <p>GV gọi 1 ->2 HS nhận xét cách đọc những từ ngữ khó được chú thích ở dưới chân trang (SGK tr 41, 42) của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung phần đọc của HS.</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả: Đặng Trần Côn; Đoàn Thị Điểm (SGK trang 43) GV1: Em hãy nêu hiểu biết của mình về tác giả Đặng Trần Côn; Đoàn Thị Điểm và tác phẩm Nỗi niềm chinh phụ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gọi 1 HS đọc phần giới thiệu tác giả về tác giả: Đặng Trần Côn; Đoàn Thị Điểm (SGK trang 43). GV cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi 1. GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời về tác giả, tác phẩm của Đặng Trần Côn; Đoàn Thị Điểm. GV gọi 1 -> 2 HS bất kì nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết).</p>	<p>tr 41, 42).</p> <p>2. Tác giả, tác phẩm</p> <p>→Tác giả Đặng Trần Côn, dịch giả Đoàn Thị Điểm - Đặng Trần Côn sống vào khoảng đầu thế kỉ XVIII, quê ở làng Nhân Mục (còn gọi là làng Mọc), nay thuộc Hà Nội. Tác phẩm của ông thường chú trọng thể hiện những tình cảm riêng tư, những nỗi niềm trắc ẩn của con người. Ngoài <i>Chinh phụ ngâm khúc</i>, một số sáng tác khác của ông hiện còn được lưu lại như <i>Tiêu Tương bát cảnh</i>, ba bài phú <i>Trương Hàn tư thuần lộ</i>, <i>Trương Lương bố ý</i>, <i>Khẩu môn thanh</i>,...</p> <p>- Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748) hiệu là Hồng Hà nữ sĩ, quê ở tỉnh Hưng Yên. Bản dịch <i>Chinh phụ ngâm</i> nổi tiếng hiện đang lưu hành được nhiều học giả khẳng định là của nữ sĩ.</p> <p>→Tác phẩm: Bản dịch <i>Chinh phụ ngâm</i> gồm 408 câu thơ song thất lục bát. Đoạn trích <i>Nỗi niềm chinh phụ</i> gồm 24 câu thơ (từ câu 41 đến câu 64) đã thể hiện những tình cảm đầy lưu luyến của người chinh phụ khi phải xa cách người chinh phu.</p>
--	--

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

a. Mục tiêu

- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; Sự khác biệt so với thơ lục bát được biểu hiện trong đoạn trích *Nỗi niềm chinh phụ*.

- Học sinh nhận biết được và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Học sinh nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.

b. Nội dung: Giáo viên sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, đàm thoại, trực quan, khăn trải bàn, sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm học tập: GV sử dụng bảng kiểm để đánh giá bài thơ, HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV& HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV1: Bài thơ <i>Nỗi niềm chinh phụ</i> thuộc thể thơ nào? Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì?</p> <p>GV2: Em hãy cho biết bài thơ có thể được chia làm mấy phần? Nội dung của mỗi phần là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Câu hỏi 1 GV cho HS làm việc cá nhân (thời gian 1 -> 2 phút). GV cho HS thảo luận nhóm câu hỏi 2, chia lớp làm 6 nhóm (Thời gian từ 3 -> 4 phút)</p> <p>GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 2 -> 3 HS trả lời nhanh cho câu hỏi 1.</p> <p>GV gọi 1 vài học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>GV gọi 1 -> 3 HS đại diện cho nhóm 1, 3, 5 lên trả lời cho câu 2.</p> <p>GV gọi 1 -> 3 HS đại diện cho nhóm 2, 4, 6 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng. (<i>HS có thể tìm ý để</i></p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản</p> <p>1. Đọc hiểu hình thức</p> <p>→ Thể thơ: Song thất lục bát</p> <p>- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp với yếu tố miêu tả.</p> <p>→ Bố cục bài thơ: 2 phần</p> <p>- Phần 1: Gồm 12 câu đầu (Cảnh người chinh phụ tiễn biệt người chinh phụ).</p> <p>- Phần 2: Gồm 12 câu còn lại (Cảm xúc, tâm trạng của người chinh phụ sau khi tiễn biệt người chinh phụ)</p>

ghi nội dung cơ bản vào vở viết).

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích *Nỗi niềm chinh phụ*. Những đặc điểm này cho thấy thể thơ song thất lục bát có gì khác với thể thơ lục bát?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV chia lớp làm 6 nhóm cho HS thảo luận (thời gian khoảng 7 -> 8 phút). Hoàn thành phiếu học tập số 1.

GV quan sát, giúp đỡ HS, gợi mở cho học sinh khi cần giải quyết vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 3 HS đại diện các nhóm 1, 2, 3 trả lời.

GV gọi 3 HS đại diện các nhóm 4, 5, 6 nhận xét bổ sung nội dung câu trả lời của các nhóm.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng (*HS có thể chủ động ghi nội dung vào vở viết*)

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Đề xuất phương án ngắt nhịp bốn câu thơ sau và cho biết tác dụng của cách ngắt nhịp đó:

*Chón Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
Bén Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.*

3. Đọc hiểu nội dung

3.1. Đặc điểm một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong văn bản

→ Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát trong đoạn trích:

+ Đan xen giữa cặp câu 7 chữ với cặp câu lục bát, cặp câu 7 chữ mở đầu, sau đó mới đến cặp câu lục bát.

+ Ở cặp câu lục bát có sử dụng vần lưng, hiệp vần ở chữ thứ sáu của câu 6 tiếng và chữ thứ sáu của câu 8 tiếng (*Ví dụ: này - bay, đường - trường, ...*).

+ Ở cặp câu 7 tiếng, tiếng cuối cùng của câu 7 trên hiệp vần với tiếng cuối cùng của câu 7 ngay sau nó (*Ví dụ: trống - bồng, vọng - bóng, ...*)

+ Tuân thủ quy tắc thanh điệu (Ví dụ ở 4 câu thơ đầu: câu thất 1: *chen* (B) - *trống* (T); câu thất 2: *rời* (B) - *bồng* (T) - *tay* (B); câu lục: *lương* (B) - *rẽ* (T) - *bay* (B); câu bát: *đường* (B) - *bóng* (T) - *bay* (B) - *ngùi* (B))

- Sự khác biệt giữa thể thơ song thất lục bát và lục bát:

+ Thể thơ lục bát chỉ có các cặp câu lục bát kết hợp với nhau; thể thơ song thất lục bát có thêm cặp câu 7 tiếng.

+ Cách gieo vần của thể thơ song thất lục bát đa dạng hơn, bao gồm gieo ở cả vần lưng và vần chân.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

<p><i>Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương, Câu Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.</i></p> <p>GV2: Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép đối trong những câu thơ sau:</p> <p>a. <i>Chàng thì đi cõi xa mưa gió, Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.</i></p> <p>b. <i>Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh.</i></p> <p>c. <i>Chón Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại, Bén Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS trao đổi cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn để hoàn thành yêu cầu của 2 câu hỏi. Thời gian khoảng 5 -> 7 phút.</p> <p>GV quan sát học sinh làm việc cặp đôi, gợi mở giúp đỡ học sinh để giải quyết tốt nội dung yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các cặp đôi để báo cáo nội dung câu hỏi 1.</p> <p>GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các cặp đôi để báo cáo nội dung câu hỏi 2.</p> <p>GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV sử dụng phiếu học tập để đánh giá. GV ghi nội dung chính lên bảng. (<i>HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân vào vở viết</i>)</p>	<p>→ Đề xuất phương án:</p> <p><i>Chón Hàm Dương/ chàng còn ngoảnh lại, Bén Tiêu Tương/ thiếp hãy trông sang. Khói Tiêu Tương/ cách Hàm Dương, Câu Hàm Dương/ cách Tiêu Tương/ mấy trùng.</i></p> <p>- Tác dụng cách ngắt nhịp:</p> <p>+ Giúp người đọc cảm nhận được sự xa cách muôn trùng của người chinh phu và người chinh phụ.</p> <p>+ Tạo sự nhịp nhàng trong câu thơ.</p> <p>→ Tác dụng của phép đối trong những câu thơ a, b, c:</p> <p>a. <i>Chàng thì đi cõi xa mưa gió, Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.</i></p> <p>- Chỉ ra phép đối: <i>đi đối với về, cõi xa đối với buồng cũ chiếu chăn.</i></p> <p>=> Tác dụng:</p> <p>+ Diễn tả rõ nét hình ảnh của người chinh phu và người chinh phụ: người chinh phu ra chiến trường, người chinh phụ lủi thủi ở buồng cũ đợi chồng.</p> <p>+ Miêu tả sâu sắc sự dấn thân vì sự nghiệp của người chinh phu và nỗi nhớ mong của người chinh phụ.</p> <p>b. <i>Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh.</i></p> <p>- Chỉ ra phép đối: <i>tuôn đối với trải, màu mây biếc đối với ngàn núi xanh.</i></p> <p>=> Tác dụng:</p> <p>+ Trực tiếp tô đậm sự hùng vĩ, rộng lớn, trải dài của thiên nhiên.</p> <p>+ Qua đó, tác giả muốn miêu tả khoảng cách xa xôi, cách trở giữa người chinh phu và người chinh phụ.</p> <p>+ Làm câu thơ giàu hình ảnh hơn.</p> <p>c. <i>Chón Hàm Kinh chàng còn ngoảnh</i></p>
---	---

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Những chi tiết nào cho thấy người chinh phụ vô cùng lưu luyến khi tiễn người chinh phu ra trận?

GV2: Nêu và phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ cuối của đoạn trích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV chia lớp làm 6 nhóm cho HS thảo: nhóm 1, 3, 5 hoàn thành câu 1; nhóm 2, 4, 6 hoàn thành câu 2 (thời gian 5 -> 6 phút).

GV quan sát, giúp đỡ HS, gợi mở cho học sinh khi cần giải quyết vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện các nhóm 1, 3 trả lời câu hỏi 1.

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 5 nhận xét, bổ sung nội dung câu trả lời của các nhóm.

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện các nhóm 2, 4 trả lời câu hỏi 2.

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 6 nhận xét, bổ sung nội dung câu trả lời của các nhóm.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (*HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân*).

lại,

Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.

- Chỉ ra phép đối: *Chốn Hàm Kinh* đối với *Bến Tiêu Tương*, còn *ngoảnh lại* đối với *hãy trông sang*.

=>Tác dụng:

+ Làm đậm nét tình cảm vợ chồng, sự ngóng trông, luôn hướng về nhau của hai người.

+ Làm câu thơ cân xứng, hài hòa.

3.2. Tâm trạng, nỗi niềm của nhân vật người chinh phụ

→ Các chi tiết cho thấy người chinh phụ vô cùng lưu luyến khi tiễn người chinh phu ra trận:

- Thiếp nhìn rặng núi ngăn ngor nỗi nhà.

- Đoái trông theo đã cách ngăn.

- Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.

- Liễu dương biết thiếp đoạn trường này chẳng?

- Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.

→ Tác dụng của một số biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ cuối của đoạn trích.

- Biện pháp: điệp từ *ngàn dâu, thấy, cùng*

=>Tác dụng:

+ Diễn tả nỗi trông mong chồng trong sự mơ hồ, tuyệt vọng của người chinh phụ.

+ Làm câu văn như trải dài và đượm buồn hơn.

- Biện pháp: phép đối *trông lại - chẳng thấy, lòng chàng - ý thiếp*.

=>Tác dụng:

+ Làm cụ thể hơn sự xa cách mặt của

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Người chinh phụ tiễn người chinh phu ra trận với tâm trạng như thế nào? Qua tâm trạng đó của người chinh phụ, em hiểu gì về giá trị cuộc sống?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi để chia sẻ những hiểu biết của bản thân.

GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS trả lời câu hỏi

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân).

Nhiệm vụ 6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc hiểu tri thức ngữ văn ở nhà và tìm hiểu đặc điểm một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong văn bản (*HS đọc lại và học thuộc nội dung tri*

người chinh phu và người chinh phụ.

+ Tăng cấp nỗi sầu cho người chinh phụ.

- Biện pháp: câu hỏi tu từ “*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*”

=>Tác dụng:

+ Thể hiện sự đau đớn tột cùng của người chinh phụ.

+ Làm câu thơ thêm phần độc đáo, gây được sự tò mò cho người đọc.

→ Tâm trạng của người chinh phụ khi tiễn người chinh phu khi ra trận:

+ Thẩn thờ, ngẩn ngơ nhìn chồng rời đi.

+ Sầu não, u buồn và nhớ chồng da diết.

+ Lo lắng cho chồng khi chồng ở chiến trường.

+ Bồi hồi ngóng chồng trở về.

=> Qua tâm trạng của người chinh phụ, chúng ta hiểu được những giá trị của cuộc sống:

+ Sự quý giá của hòa bình trong cuộc sống ngày nay. Mọi người được tự do đi học, đi làm, sống vui vẻ là nhờ sống ở đất nước hòa bình.

+ Lòng biết ơn với những người trực tiếp ra chiến trận đánh giặc và những người mẹ, người vợ, những cô gái hậu phương.

+ Con người nên trân trọng những giây phút ở cùng người thân yêu của mình; phải biết yêu thương, quan tâm, đùm bọc lẫn nhau.

4. Tổng kết văn bản

4.1. Thơ song thất lục bát

(*HS học thuộc nội dung tri thức ngữ văn SGK tr 40*)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

<p><i>thức ngữ văn SGK tr 40)</i></p> <p>GV: Em hãy cho biết phần đọc hiểu văn bản <i>Nỗi niềm chinh phụ</i> của Đặng Trần Côn; dịch giả Đoàn Thị Điểm em rút ra được nội dung và nghệ thuật như thế nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS đọc 2 lần nội dung tri thức ngữ văn (SGK tr 40)</p> <p>GV cho HS trao đổi cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn để hoàn thành yêu cầu câu hỏi. Thời gian khoảng 5 -> 7 phút.</p> <p>GV quan sát học sinh làm việc cặp đôi, gợi mở giúp đỡ học sinh để giải quyết tốt nội dung yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 2 HS đọc nội dung tri thức ngữ văn (SGK tr 40)</p> <p>GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các cặp đôi để báo cáo nội dung câu hỏi 1.</p> <p>GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (<i>HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân</i>).</p>	<p>4.2. Nội dung: Tâm trạng và nỗi niềm của nhân vật người chinh phụ trong hoàn cảnh chia li, qua đó phản ánh những mất mát do chiến tranh gây ra.</p> <p>4.3. Nghệ thuật: Ngôn ngữ giàu cảm xúc, được chọn lọc tinh tế; hình ảnh giàu sức gợi; nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật đặc sắc. Thể thơ song thất lục bát, vần, nhịp, thanh điệu, cách ngắt nhịp uyển chuyển phù hợp với cảm xúc của bài thơ.</p>
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu:** củng cố lại nội dung của bài học thông qua phần đọc hiểu văn bản để khắc sâu kiến thức bài thơ *Nỗi niềm chinh phụ*.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương hợp tác, gợi mở, nêu tình huống, giải quyết vấn đề.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của học sinh đánh giá hoạt động học.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Em có ấn tượng nhất với hình ảnh nào trong đoạn trích? Vì sao?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn để chia sẻ những hiểu</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>→ Ấn tượng nhất là hình ảnh: “<i>Chàng thì đi cõi xa mưa gió,/ Thiếp thì về buồn cũ</i>”</p>

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

<p>biết của bản thân trả lời câu hỏi. Thời gian từ 2 -> 3 phút. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS trả lời yêu cầu của câu hỏi. GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (<i>HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p>	<p><i>chiếu chắn</i>” vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là hình ảnh rất xúc động, thể hiện khoảng cách xa vời, sự cách ngăn giữa người chồng nơi chiến trường và người vợ ở quê hương. - Hình ảnh này còn tô thêm nỗi nhớ chồng da diết, sự cô đơn, sầu não của người chinh phụ. Nàng lo chồng mình phải đến nơi “cõi xa mưa gió” đầy khó khăn, rồi nàng sầu cho bản thân phải côi cút ở chính nơi “buồng cũ chiếu chắn”.
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết 1 đoạn văn nghị luận ngắn để viết kết nối với đọc.
- b. Nội dung:** GV sử dụng trình bày, thuyết trình, làm việc cá nhân (bài viết của học sinh)
- c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn theo yêu cầu để đánh giá hoạt động học của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS viết đoạn văn (khoảng 7 -> 9 câu) phân tích tâm trạng của người chinh phụ thể hiện trong bốn câu thơ sau:</p> <p align="center"><i>Chàng thì đi cõi xa mưa gió, Thiếp thì về buồng cũ chiếu chắn. Đoái trông theo đã cách ngăn, Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và thực hiện viết đoạn văn thời gian khoảng từ 7 -> 9 phút. (làm việc cá nhân). GV quan sát HS viết đoạn văn, có thể giúp những HS có khó khăn về viết đoạn văn, gợi mở, kích hoạt những kiến thức ở nội dung trước.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 vài HS lên trình bày kết quả viết đoạn văn kết nối với đọc. GV gọi 1 vài HS nhận xét cả hình thức và nội dung viết đoạn văn của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p>	<p>IV. Vận dụng</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề bài phân tích tâm trạng của người chinh phụ thể hiện trong bốn câu thơ đã cho trước. - GV hướng dẫn HS tìm ý cho đoạn văn có dung lượng từ 7 -> 9 câu; phân tích các yếu tố nội

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

GV nhận xét, đánh giá trên hai tiêu chí (GV sử dụng bảng Rubric để đánh giá các tiêu chí viết đoạn văn)	dung và nghệ thuật của 4 câu thơ được lựa chọn để làm rõ tâm trạng của người chinh phụ.
--	---

BẢNG RUBRIC ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN

Nhóm/ cá nhân: Lớp 9

Tiêu chí		Phần chấm điểm				
		CĐ 1 đ	TB 2 đ	Khá 3 đ	Tốt 4 đ	XS 5 đ
Hình thức 10 điểm	Đoạn văn ngắn gọn khoảng 7-> 9 câu, Các câu văn có sự liên kết chặt chẽ, lời văn trong sáng, trôi chảy (5 điểm)					
	Có thể trình bày theo tổng – phân - hợp (hoặc theo cách riêng của HS) (5 điểm)					
Nội dung 20 điểm	Nội dung và nghệ thuật của 4 câu thơ được lựa chọn để làm rõ tâm trạng của người chinh phụ. (10 điểm)					
	- Hướng đến đối tượng cụ thể, có trong 4 câu thơ. - Giàu biểu cảm, cảm xúc chân thành. (10 điểm)					
TỔNG CỘNG						

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Thực hành tiếng Việt** (SGK tr 44, 45)

TIẾT PPCT: 16

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT BIỆN PHÁP TU TỪ CHƠI CHỮ

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Học sinh nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ.

1.2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

học tập theo nhóm. Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

2. Phẩm chất: Chăm chỉ học tập để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Trung thực khi sử dụng từ ngữ cho đúng ngữ cảnh trong khi đọc, viết văn bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); nội dung trả lời các bài tập; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 9 tập 1, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài (SGK trang 44, 45).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình để bước vào bài học mới.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp, gợi mở.

c. Sản phẩm: HS thực hiện câu trả lời yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Em hãy chỉ ra các từ đồng âm và hiểu nghĩa của các từ đồng âm đó như thế nào trong các câu sau:</p> <p>a. Con kiến bò đĩa thịt bò. b. Bác bác trứng, tôi tôi voi.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân. Sử dụng PP hỏi đáp (1-1), công não, gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV cho HS xung phong trả lời câu hỏi và gọi 1 số HS chưa tham gia tự giác để trả lời câu hỏi. GV gọi 1 số HS nhận xét, bổ sung nội dung của bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và giới thiệu vào bài mới</p>	<p>Gợi ý: HS xác định được những nét nghĩa khác nhau của từ ngữ, từ đó GV dẫn dắt vào nội dung bài học về biện pháp tu từ chơi chữ.</p> <p>– Con kiến bò (1) đĩa thịt bò(2). + Từ bò (1) là động từ, chỉ hoạt động di chuyển từ vị trí này sang vị trí khác. + Từ bò (2) là danh từ chỉ một loại thực phẩm.</p> <p>– Bác (1) bác (2) trứng, tôi (1) tôi (2) voi. + Từ bác (1) là một từ dùng để xưng hô. + Từ bác (2) là động từ, chỉ hành động làm trứng chín bằng cách đun nhỏ lửa và quấy cho đến khi sền sệt. + Từ tôi (1) là từ cá nhân dùng để tự xưng với người ngang hàng. + Từ tôi (2) là động từ, chỉ hành động đổ nước vào làm cho tan voi sũng.</p> <p>Giới thiệu vào bài học: Chơi chữ là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo</p>

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

GV Ghi tên bài học lên bảng	sắc thái dí dỏm, hài hước, châm biếm,... làm câu văn, câu thơ trở nên thú vị. Biện pháp tu từ chơi chữ được sử dụng khá nhiều trong các tác phẩm văn học. Chơi chữ còn có tác dụng tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Để hiểu rõ hơn về ý nghĩa và cách sử dụng thế nào thì hãy cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay nhé.
------------------------------------	---

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

- a. Mục tiêu:** Học sinh nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ.
- b. Nội dung:** GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại, gợi mở, dạy học hợp tác, trực quan, giải quyết tình huống có vấn đề.
- c. Sản phẩm:** Kết quả bài tập của học sinh; dùng phiếu giá tinh thần hoạt động thảo luận nhóm để đánh giá hoạt động học của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc bài tập 1 (SGK tr 44, 45)</p> <p>BT 1: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong các trường hợp: a, b, c, d, e, g, h, i, k</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS đọc bài tập 1 SGK tr 44, 45. GV cho HS thảo luận cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn; chia lớp làm 2 nhóm lớn; nhóm 1 làm câu a, b, c, d; nhóm 2 làm câu e, g, h, I, k; Thời gian từ 8 -> 10 phút. Sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề kích hoạt kiến thức nền từ bậc tiểu học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 3 -> 5 HS đại diện các cặp đôi có tinh thần xung phong của nhóm 1 để trả lời câu a, b, c, d GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung nội dung chưa chính xác cho bạn. GV gọi 3 -> 5 HS đại diện các cặp đôi có tinh thần xung phong của nhóm 2 để trả lời</p>	<p>1. Biện pháp tu từ chơi chữ Bài tập 1 (SGK tr 44, 45)</p> <p>a. Một nghề cho <i>chín</i> còn hơn <i>chín</i> nghề. - Biện pháp tu từ chơi chữ: dùng từ đồng âm “<i>chín</i>” + <i>Chín</i> ở về “<i>một nghề cho chín</i>” ý chỉ làm một nghề cho thật giỏi. + <i>Chín</i> ở về “<i>còn hơn chín nghề</i>” tức là làm nhiều nghề cùng một lúc. => Tác dụng: + Khuyên nhủ người đọc cần làm một công việc thật chính chu, cẩn thận, như vậy mới phát triển được bản thân, còn hơn làm nhiều việc cùng một lúc nhưng việc nào cũng chỉ làm qua loa. + Giúp câu tục ngữ dễ nhớ, dễ thuộc.</p> <p>b. Nấu đậu <i>phụ</i> cho <i>cha</i> ăn <i>Sắc ịch mẫu cho mẹ uống.</i> - Biện pháp tu từ chơi chữ: dùng từ đồng nghĩa (<i>phụ - cha, mẫu - mẹ</i>). => Tác dụng: + Tạo ra sự ý tứ, tinh tế trong bài ca dao.</p>

câu e, g, h, i, k

GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung nội dung chưa chính xác cho bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự chốt nội dung theo ý hiểu của bản thân ghi vào vở viết).

+ Thể hiện sự hiếu thảo của người con với cha mẹ của mình.

**c. Giậu rào mắt cáo, mèo chui lọt
Rỏ rức lòng tôm, tép nhảy qua.**

- Biện pháp tu từ chơi chữ: dùng từ cùng trường nghĩa (cáo, mèo, tôm, tép).

=>Tác dụng:

+ Làm cho lời dạy của ông cha ta thêm thú vị, không mang đậm chất giáo huấn.

+ Khuyên răn mọi người cách đan giậu, đan rỏ: đan giậu thì không được đan mắt mèo, đan thưa; còn đan rỏ không được đan vành quá thấp.

d. Bánh cả thùng sao gọi là bánh ít?

Trầu cả khay sao gọi là trầu không?

- Biện pháp tu từ chơi chữ: dùng từ trái nghĩa (cả thùng - ít, cả khay - không) và dùng từ đồng âm (ít, không).

=>Tác dụng:

+ Tạo ra tính đa nghĩa, dí dỏm cho bài ca dao.

e. Thấy nếp thì lại thềm xôi

Ngồi bên thềm gạo nhớ nồi cơm thơm.

- Biện pháp tu từ chơi chữ: dùng các từ cùng trường nghĩa (nếp, xôi, gạo, cơm).

=>Tác dụng:

+ Tạo sự hấp dẫn, thu hút cho lời nói.

+ Khuyên con người không nên cả thềm chóng chán, đứng núi này trông núi nọ.

**g. Con ngựa đá (1) con người đá (2), con
ngựa đá (3) không đá con ngựa (4).**

- Biện pháp tu từ chơi chữ: dùng từ đồng âm ‘đá’:

+ Từ “đá” ở vế “con ngựa đá” thứ nhất và thứ tư ý chỉ con ngựa đang có hành động đá.

+ Từ “đá” ở vế “con ngựa đá” thứ hai và thứ ba chỉ con ngựa làm bằng đá.

=>Tác dụng:

+ Tạo sự hài hước, dí dỏm, hấp dẫn của câu đối.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 2 SGK trang 45.

BT2: Nêu một trường hợp (trong giao tiếp

h. Anh Hươu đi chợ Đông Nai

Bước qua Bến Nghé, ngồi nhai thịt bò.

- Biện pháp tu từ chơi chữ: dùng từ cùng trường nghĩa (*Hươu, Nai, Nghé, bò*).

=>Tác dụng:

+ Tăng tính hài hước, gây cười cho người đọc.

+ Làm bài thơ thêm thú vị, bất ngờ.

i. Con cá đối bỏ vào trong cối đá;

Con mèo cái nằm trên mái kèo.

Trách cha mẹ em nghèo, anh nữ phụ duyên em.

- Biện pháp tu từ chơi chữ: dùng nối nói lái (*cá đối - cối đá, con mèo - mái kèo*)

=>Tác dụng:

+ Tạo sự nhịp nhàng cho câu thơ, giúp bài ca dao thêm đặc sắc, ấn tượng.

k. Một trăm thứ dầu, dầu xoa không ai thấp;

Một trăm thứ bắp, bắp chuối chẳng ai rang;

Một trăm thứ than, than thân không ai quạt;

Một trăm thứ bạc, bạc tình chẳng ai mua.

- Biện pháp tu từ chơi chữ: dùng từ đồng âm:

+ Dầu (vật dụng để đốt cháy) - dầu xoa (một loại thuốc).

+ Bắp (ngô) - bắp chuối.

+ Than (vật để đốt cháy) - than thân (hành động than vãn, tự thương).

+ Bạc (chất liệu kim loại quý, có giá trị) - bạc tình (người sống vô ơn, không có tình cảm).

=>Tác dụng:

+ Gây sự bất ngờ, ý vị trong câu ca dao.

+ Diễn tả những kinh nghiệm quý báu của người xưa về đời sống.

Bài tập 2 (SGK tr 45)

hàng ngày hoặc trong tác phẩm văn học) có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ. Biện pháp tu từ chơi chữ được sử dụng trong trường hợp đó có tác dụng gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc theo cặp đôi, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu bài tập 2 (SGK tr 45), thời gian từ 4 -> 5 phút, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS lên làm bài tập 2.

GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Cho HS đọc Tri thức ngữ văn trong SGK (tr. 40); đọc khung Nhận biết một số cách chơi chữ thường gặp trong SGK (tr. 44, 45) và cho biết: Biện pháp tu từ chơi chữ là gì? Tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ? Cho ví dụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS đọc thầm hộp chỉ dẫn một số cách chơi chữ thường gặp (SGK tr 44, 45)

GV cho HS làm việc theo cặp đôi, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS trả lời biện pháp tu từ chơi chữ; Tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ và cho ví dụ.

GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

→Nêu trường hợp sử dụng phép tu từ chơi chữ:

- Bài thơ *Tình hoài* của nhà văn Thế Lữ có những câu thơ sử dụng phép tu từ chơi chữ bằng cách lặp thanh điệu:

*Trời buồn làm gì trời rầu rầu
Anh yêu em xong anh đi đâu?*

=>Tác dụng:

+ Làm các câu văn có âm điệu hài hòa, gây ấn tượng đặc biệt đến người đọc.

+ Phù hợp với tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ: buồn, trách móc.

2. Biện pháp tu từ chơi chữ và một số cách chơi chữ thường gặp

2.1. Khái niệm biện pháp tu từ chơi chữ

(HS đọc thầm và học nội dung bài trong hộp chỉ dẫn *Một số cách chơi chữ thường gặp SGK tr 44, 45*)

→Chơi chữ là: Biện pháp tu từ vận dụng các đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa hoặc quy tắc kết hợp từ ngữ một cách khéo léo, sáng tạo nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, thú vị cho người đọc (người nghe).

2.2. Một số cách chơi chữ thường gặp

- Dùng từ đồng âm.

- Dùng từ gần âm (trại âm).

- Dùng lối điệp âm.

- Dùng lối nói lái.

- Dùng từ trái nghĩa.

- Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa.

2.3. Ví dụ (tham khảo nội dung 2 bài tập và hộp chỉ dẫn SGK tr 44, 45)

3. Hoạt động 3. Luyện tập

- a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn có sử dụng một số biện pháp tu từ chơi chữ thường gặp.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân. Phương pháp gợi mở, thuyết trình.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài làm luyện tập để đánh giá hoạt động học của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Viết đoạn văn (khoảng 7 → 9 câu) phân tích tâm trạng của người chinh phụ thể hiện trong bốn câu thơ sau:</p> <p align="center"><i>Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu Ngàn dâu xanh ngắt một màu Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?</i></p> <p>Trong đó, có sử dụng một hoặc hai biện pháp tu từ chơi chữ thường gặp.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, làm vào vở ghi. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh, bao quát lớp, hỗ trợ những HS khó khăn trong học tập, chưa mạnh dạn...</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 → 2 HS trình bày đoạn văn có sử dụng một hoặc hai biện pháp tu từ chơi chữ thường gặp GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, đánh giá GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức nội dung yêu cầu (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).</p>	<p>3. Luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS có kỹ năng sử dụng một hoặc hai biện pháp tu từ chơi chữ thường gặp trong khi viết đoạn văn. - Nội dung: Phân tích tâm trạng của người chinh phụ thể hiện trong bốn câu đã cho. - Hình thức: Đoạn văn có độ dài khoảng 7 → 9 câu văn.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

- a. Mục tiêu:** HS xác định được biện pháp tu từ chơi chữ thường gặp, nêu tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ để vận dụng vào ngữ cảnh cụ thể trong khi viết đoạn văn, bài văn.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi chia sẻ, huy động kiến thức nền để áp dụng vào thực tiễn.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài làm vận dụng của học sinh để đánh giá hoạt động học thông qua bảng nhận xét làm việc nhóm.
- d. Tổ chức thực hiện**

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Em hãy tìm 1 đoạn văn hoặc 1 đoạn thơ trong các tác phẩm văn học đã được học, được đọc trong đó có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ thường gặp, nêu tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ đó.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc theo cặp đôi, làm việc cá nhân. GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề. Hỗ trợ cho HS khi cần được trợ giúp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV cho HS tinh thần xung phong, gọi 1 vài HS lên trình bày yêu cầu bài tập. GV cho HS khác nhận xét, bổ sung nội dung của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức nội dung yêu cầu. GV phát phiếu cho HS tự nhận xét tinh thần, thái độ làm việc nhóm tất cả các hoạt động trong bài học. (Đánh giá, nhận xét lưu trong hồ sơ học tập)</p>	<p>4. Vận dụng</p> <p>- HS có kỹ năng phát hiện một số biện pháp tu từ chơi chữ thường gặp, biết được tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ đó trong khi tìm hiểu các tác phẩm văn học.</p>

Phiếu tự nhận xét tinh thần, thái độ làm việc nhóm	
Họ tên.....Lớp 9:.....	
Tên bài học.....	
Ngày nhận xét.....	
Mức độ	Nhận xét điều đã làm được và chưa làm được
Tự giác	
Tích cực	
Trung thực	
Trách nhiệm	
Hiểu bài	

(GV phát phiếu cho học sinh tự đánh giá, lưu hồ sơ học tập).

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Tiếng đàn mưa** của Bích Khê

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Giáo viên



Hoàng Văn Toán